

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CẨM NANG CÔNG TÁC PHÁP CHẾ

*(Dùng cho cán bộ, công chức làm công tác
soạn thảo văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cán bộ pháp chế
các sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học)*

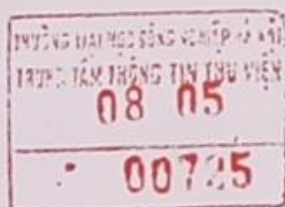
Hà Nội, 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CẨM NANG CÔNG TÁC PHÁP CHẾ

*(Dùng cho cán bộ, công chức làm công tác soạn thảo văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo,
cán bộ pháp chế các sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học)*



Hà Nội, 2014

LỜI NÓI ĐẦU

Nhằm cung cấp cho cán bộ làm công tác pháp chế, cán bộ làm công tác soạn thảo văn bản của cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo, các sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học, Vụ Pháp chế Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì việc sưu tầm, biên soạn và hoàn thiện cuốn Cẩm nang công tác pháp chế. Nội dung cuốn “Cẩm nang công tác pháp chế” gồm các nhóm vấn đề chính:

- Phần I: Tổ chức pháp chế và hoạt động pháp chế ngành giáo dục
- Phần II: Một số vấn đề lý luận về soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Phần III: Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính.
- Phần IV: Nghiệp vụ rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật.
- Phần V: Nghiệp vụ kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật.
- Phần VI: Nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc biên soạn, biên tập nhưng cuốn “Cẩm nang công tác pháp chế” sẽ không tránh được những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý của người đọc.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỤ PHÁP CHẾ

TỔ CHỨC PHÁP CHẾ VÀ HOẠT ĐỘNG PHÁP CHẾ NGÀNH GIÁO DỤC

I. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ TỔ CHỨC PHÁP CHẾ

Tổ chức pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đơn vị chuyên môn, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc quản lý nhà nước bằng pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao.

Tổ chức pháp chế ở doanh nghiệp nhà nước là đơn vị chuyên môn, có chức năng tham mưu, tư vấn cho Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức pháp chế được quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 4 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và doanh nghiệp nhà nước:

Tổ chức pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đơn vị chuyên môn, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc quản lý nhà nước bằng pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao và tổ chức thực hiện công tác pháp chế quy định tại Nghị định này.

Tổ chức pháp chế ở doanh nghiệp nhà nước là đơn vị chuyên môn, có chức năng tham mưu, tư vấn cho Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp về những vấn đề pháp lý liên

quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

a) Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở cơ quan thuộc Chính phủ: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở Tổng cục và tương đương, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

d) Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

d) Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở doanh nghiệp nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

e) Tổ chức pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

- Bộ, cơ quan ngang Bộ có Vụ Pháp chế. Vụ Pháp chế ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ chịu sự quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của Bộ Tư pháp.

- Cơ quan thuộc Chính phủ có Ban Pháp chế hoặc Phòng Pháp chế trực thuộc Văn phòng. Tổ chức pháp chế ở cơ quan thuộc Chính phủ chịu sự quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của Bộ Tư pháp.

- Căn cứ vào nhu cầu công tác pháp chế, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập tổ chức pháp chế ở các Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Căn cứ vào nhu cầu công tác pháp chế, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quyết định việc thành lập tổ chức pháp chế hoặc quyết định việc bố trí công chức pháp chế chuyên trách ở các Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Tổ chức pháp chế ở Tổng cục và tương đương, Cục thuộc Bộ, cơ quan

ngang Bộ chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của Vụ Pháp chế thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ.

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định việc thành lập và cơ cấu tổ chức pháp chế hoặc quyết định việc bố trí cán bộ pháp chế chuyên trách; quy định mối quan hệ công tác pháp chế trong hệ thống lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân.

f) Tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Phòng Pháp chế được thành lập ở các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau đây: Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Giao thông vận tải; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế.

- Căn cứ vào nhu cầu công tác pháp chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập Phòng Pháp chế hoặc quyết định việc bố trí công chức pháp chế chuyên trách ở các cơ quan chuyên môn được thành lập theo đặc thù riêng của từng địa phương và ở các cơ quan chuyên môn ngoài các cơ quan chuyên môn quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

- Phòng Pháp chế, công chức pháp chế chuyên trách ở các cơ quan chuyên môn chịu sự quản lý, kiểm tra về công tác pháp chế của Sở Tư pháp và chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của Vụ Pháp chế thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ.

g) Tổ chức pháp chế ở doanh nghiệp nhà nước

- Căn cứ vào nhu cầu công tác pháp chế, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chi tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp nhà nước quyết định việc thành lập tổ chức pháp chế hoặc quyết định việc bố trí nhân viên pháp chế chuyên trách.

- Tổ chức pháp chế ở doanh nghiệp nhà nước chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của Vụ Pháp chế thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ và chịu sự quản lý về công tác pháp chế của Bộ Tư pháp.

Tổ chức pháp chế các doanh nghiệp nhà nước ở địa phương chịu sự quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của Sở Tư pháp.

h) Người làm công tác pháp chế

Người làm công tác pháp chế bao gồm:

- Công chức pháp chế được tuyển dụng, bổ nhiệm vào tổ chức pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân cấp tỉnh.

- Cán bộ pháp chế được điều động, tuyển dụng vào tổ chức pháp chế ở các đơn vị quân đội, công an nhân dân.

- Viên chức pháp chế được tuyển dụng, bổ nhiệm vào tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nhân viên pháp chế được tuyển dụng theo chế độ hợp đồng lao động, vào tổ chức pháp chế ở doanh nghiệp nhà nước.

i) Tiêu chuẩn, chế độ của người làm công tác pháp chế

- Tiêu chuẩn của người làm công tác pháp chế

+ Công chức pháp chế quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP phải là công chức từ ngạch chuyên viên và tương đương, có trình độ cử nhân luật trở lên.

Viên chức pháp chế quy định tại khoản 3 Điều 11 của của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP này là viên chức có chức danh nghề nghiệp, có trình độ cử nhân luật trở lên.

+ Người đứng đầu tổ chức pháp chế phải có trình độ cử nhân luật trở lên và có ít nhất năm năm trực tiếp làm công tác pháp luật.

- Công chức, cán bộ và viên chức pháp chế quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 11 của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP được hưởng phụ cấp ưu

đãi theo nghề.

- Doanh nghiệp nhà nước có thể vận dụng tiêu chuẩn, chế độ của người làm công tác pháp chế quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP để lựa chọn, bố trí, sử dụng và quyết định chế độ đối với nhân viên pháp chế.

k) Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

- Xây dựng, củng cố các tổ chức pháp chế;

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện công tác pháp chế;

- Chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế;

- Bảo đảm biên chế, kinh phí và các điều kiện cần thiết cho hoạt động của tổ chức pháp chế;

- Báo cáo về công tác pháp chế theo định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất để Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

l) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Trong phạm vi quản lý nhà nước ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- Xây dựng, củng cố tổ chức pháp chế;

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế;

- Chủ trì hoặc phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn, tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế;

- Bảo đảm biên chế, kinh phí và các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động của tổ chức pháp chế;

- Báo cáo về công tác pháp chế theo định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất để Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

m) Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp nhà nước

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	TỔ CHỨC PHÁP CHẾ VÀ HOẠT ĐỘNG PHÁP CHẾ NGÀNH GIÁO DỤC	1
	I. Quy định chung về tổ chức pháp chế	1
	II. Tổ chức và hoạt động pháp chế Bộ Giáo dục và Đào tạo	6
	III. Tổ chức và hoạt động pháp chế sở giáo dục và đào tạo	10
	IV. Tổ chức và hoạt động pháp chế ở cơ sở giáo dục đại học	14
	V. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn và nhiệm vụ cụ thể trong tổ chức và hoạt động pháp chế ngành giáo dục	16
2	MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ SOẠN THẢO, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	20
	I. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật	20
	II. Thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Giáo dục và Đào tạo	22
	III. Các yêu cầu đối với văn bản quy phạm pháp luật	23
	IV. Nguyên tắc soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật	28
	V. Một số yêu cầu sau khi văn bản quy phạm pháp luật được ký ban hành	31
3	KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH	33
	I. Soạn thảo văn bản hành chính cá biệt	33
	II. Soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	41
4	NGHIỆP VỤ RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	60
	I. Khái niệm rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	60
	II. Ý nghĩa và đặc điểm của việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	62
	III. Các nguyên tắc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	64
	IV. Tiêu chí đánh giá văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình rà soát, hệ thống hóa	68
	V. Quy trình thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	69

	NGHIỆP VỤ KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	88
5	I. Khái niệm kiểm tra văn bản và mục đích của hoạt động kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	88
	II. Nghiệp vụ kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật	89
	III. Thẩm quyền kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	109
	IV. Thẩm quyền xử lý văn bản quy phạm pháp luật	111
	NGHIỆP VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT	118
6	I. Một số vấn đề chung về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	118
	II. Đối tượng, nội dung, hình thức, chủ thể phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành giáo dục	131
	III. Kỹ năng thực hiện một số hình thức phổ biến giáo dục pháp luật cơ bản trong ngành giáo dục	144

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

TRUNG TÂM THÔNG TIN TH

8 - 21/5/2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM THÔNG TIN TH



Mã sách: 08C50725